

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I- SINH 11- 2023

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nguồn năng lượng khởi đầu cho sự sống của sinh giới là?

- A. Quang năng. B. Hóa năng. C. Thế năng. D. Động năng.

Câu 2. Hợp chất hữu cơ chủ yếu mang năng lượng, cung cấp năng lượng cho sinh giới sử dụng trong các hoạt động sống là?

- A. ADP. B. NADPH. C. FADPH. D. ATP.

Câu 3. Sinh vật nào sau đây có phương thức sống tự dưỡng?

- A. Thực vật. B. Động vật. C. Nấm. D. Côn trùng.

Câu 4. Sinh vật nào sau đây có phương thức sống dị dưỡng?

- A. Thực vật. B. Vi khuẩn lam. C. Tảo xoắn. D. Động vật.

Câu 5. Sinh vật nào sau đây vừa có khả năng sống tự dưỡng, vừa có khả năng sống dị dưỡng.

- A. Vi khuẩn lam. B. Trùng roi xanh. C. Cây lúa. D. Bò.

Câu 6. Phương thức sống tự dưỡng gồm các hình thức là?

- A. Quang tự dưỡng và quang dị dưỡng. B. Quang tự dưỡng và hóa dị dưỡng.
C. Quang tự dưỡng và hóa tự dưỡng. D. Quang dị dưỡng và hóa tự dưỡng.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây **không** phải là của nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu?

- A. Nguyên tố mà thiếu nó cây không hoàn thành được chu trình sống.
B. Không thể thay thế được bởi bất kì nguyên tố nào khác.
C. Không thể cung cấp từ phân bón mà do cây tự tạo thành.
D. Phải trực tiếp tham gia vào quá trình chuyển hóa vật chất trong cơ thể.

Câu 8. Khi làm thí nghiệm trồng cây trong chậu đất nhưng thiếu một nguyên tố khoáng thì triệu chứng thiếu hụt khoáng thường xảy ra trước tiên ở những lá già. Nguyên tố khoáng đó là

- A. nitrogene. B. calcium. C. iron. D. lưu huỳnh.

Câu 9. Nếu một ống mạch gỗ bị tắc thì dòng vận chuyển trong ống mạch đó sẽ

- A. tắc và ứ lại có thể gây vỡ mạch và chảy ra ngoài.
B. quay trở lại rễ để di chuyển qua mạch khác và tiếp tục vận chuyển.
C. di chuyển ngang qua lỗ bên vào ống bên cạnh và tiếp tục vận chuyển.
D. chuyển sang mạch rây và di chuyển về rễ.

Câu 10. Để góp phần cải tạo đất, người ta sử dụng phân bón vi sinh chứa các vi sinh vật có khả năng

- A. cố định nitrogene từ không khí thành các dạng đạm.
B. cố định cacbon từ không khí thành chất hữu cơ.
C. cố định cacbon trong đất thành các dạng đạm.
D. cố định nitrogene từ không khí thành chất hữu cơ.

Câu 11. Rễ cây hấp thụ những chất nào?

- A. Nước cùng với các ion khoáng. B. Nước cùng các chất dinh dưỡng.
C. O₂ và các chất dinh dưỡng hoà tan trong nước. D. Nước cùng các chất khí.

Câu 12. Vai trò nào dưới đây không phải của quang hợp ?

- A. Tích lũy năng lượng.
B. Tạo chất hữu cơ.
C. Cân bằng nhiệt độ của môi trường.
D. Điều hòa không khí.

Câu 13. Pha sáng là gì?

- A. Là pha cố định CO₂.
B. Là pha chuyển hóa năng lượng ánh sáng thành năng lượng hóa học.

C. Là pha chuyển hóa năng lượng hóa học thành năng lượng ánh sáng.

D. Là pha diễn ra trong điều kiện thiếu ánh sáng.

Câu 14. Pha sáng diễn ra ở

A. stroma. B. tế bào chất. C. thylakoid. D. nhân.

Câu 15. Chất nhận CO_2 đầu tiên ở nhóm thực vật C_3 là:

A. Ribulose 1, 5 biphosphate (RuBP). B. 3-Phosphoglyceric acid (3-PAG).

C. Glyceraldehyde 3 phosphate (G3P). D. Phosphoenol pyruvate (PEP).

Câu 16. Sản phẩm của pha sáng gồm

A. ADP, NADPH, O_2 . B. ATP, NADPH, O_2 .

C. Carbohydrate, CO_2 . D. ATP, NADPH.

Câu 17. Bào quan thực hiện quang hợp là:

A. ti thể. B. lá cây. C. lục lạp. D. ribosome.

Câu 18. Quang hợp diễn ra chủ yếu ở cơ quan nào của cây?

A. ti thể. B. lá cây. C. lục lạp. D. ribosome.

Câu 19. Hệ sắc tố quang hợp phân bố ở

A. chất nền stroma. B. màng thylakoid. C. xoang thylakoid. D. ti thể.

Câu 20. Sắc tố nào sau đây tham gia trực tiếp vào chuyển hóa quang năng thành hóa năng trong sản phẩm quang hợp ở cây xanh?

A. Chlorophyll a. B. Chlorophyll b.

C. Chlorophyll a và b. D. Chlorophyll a, b và caroteneoid.

Câu 21. Khi nói về ảnh hưởng của CO_2 đến quang hợp, phát biểu nào sau đây đúng?

A. Nồng độ CO_2 tăng sẽ làm cho cường độ quang hợp tăng.

B. Nồng độ CO_2 tăng sẽ làm cho cường độ quang hợp tăng, khi Nồng độ CO_2 đạt đến trị số bão hoà thì cường độ quang hợp duy trì ổn định không thay đổi.

C. Khi nồng độ CO_2 vượt qua trị số bão hoà thì cường độ quang hợp sẽ giảm.

D. Các cây thường quang hợp yếu khi nồng độ CO_2 đạt 0,05%.

Câu 22. Mg có vai trò quan trọng đối với quá trình quang hợp của cây, nguyên nhân là vì:

A. Mg tham gia hoạt hoá các enzyme quang hợp.

B. Mg là thành phần cấu trúc của diệp lục.

C. Mg giúp tăng cường quá trình vận chuyển các sản phẩm quang hợp

D. Mg giúp điều chỉnh sự đóng mở khí khổng giúp cây thu nhận CO_2 cho quang hợp.

Câu 23. Để tăng sự vận chuyển sản phẩm quang hợp vào hạt, củ, quả người ta thường tăng cường bón loại phân nào sau đây?

A. Phân đạm B. Phân hữu cơ C. Phân kali D. Phân vi lượng

Câu 24. Để tăng năng suất cho các cây lấy lá người ta thường tăng cường bón loại phân nào sau đây?

A. Phân đạm B. Phân hữu cơ C. Phân kali D. Phân vi lượng

Câu 25: Bước sóng ánh sáng nào có hiệu quả tốt nhất đối với tổng hợp các amino acid và protein?

A. Xanh lục. B. Đỏ. C. Vàng. D. Xanh tím.

Câu 26: Bước sóng ánh sáng nào có hiệu quả tốt nhất đối với tổng hợp carbohydrate?

A. Xanh lục. B. Đỏ. C. Vàng. D. Xanh tím.

Câu 27. Giai đoạn đường phân diễn ra tại

A. Chất nền của ti thể. B. Tế bào chất. C. Lục lạp. D. Nhân.

Câu 28. Chu trình Krebs diễn ra trong

A. Chất nền của ti thể. B. Tế bào chất. C. Lục lạp. D. Nhân.

Câu 29. Điều **không** phải là vai trò của hô hấp ở thực vật?

A. Giải phóng năng lượng ATP.

B. Giải phóng năng lượng dạng nhiệt.

C. Tạo các sản phẩm trung gian.

D. Tổng hợp các chất hữu cơ.

Câu 30. Quá trình lên men và hô hấp hiếu khí có giai đoạn chung là:

A. chuỗi chuyển electron.

B. chu trình crep.

C. đường phân.

D. tổng hợp Axetyl – CoA.

Câu 31: Có 3 kiểu lấy thức ăn:

- A. Ăn lọc, ăn hút, ăn thức ăn có kích thước khác nhau
- B. Ăn học, ăn hút, ăn thức ăn có kích thước khác nhau
- C. Ăn lọc, ăn hút, ăn thức ăn có kích thước bằng nhau
- D. Ăn lọc, ăn nhai, ăn thức ăn có kích thước khác nhau

Câu 32: Kiểu ăn lọc thường gặp đối tượng:

- A. Trâu
- B. Thân lùn
- C. Trai sông
- D. Muỗi

Câu 33: Tiêu hóa thức ăn trong túi tiêu hóa gồm:

- A. Tiêu hóa nội bào
- B. Tiêu hóa ngoại bào
- C. Tiêu hóa nội bào và ngoại bào
- D. Tiêu hóa trong tế bào

Câu 34: Phần chính của quá trình tiêu hóa trong ống tiêu hóa diễn ra ở đâu?

- A. ruột non
- B. ruột già
- C. dạ dày
- D. thực quản.

Câu 35: Tiêu hóa thức ăn tại miệng gồm những hình thức tiêu hóa nào?

- A. tiêu hóa sinh học, tiêu hóa cơ học
- B. tiêu hóa hóa học, tiêu hóa cơ học
- C. tiêu hóa sinh học, tiêu hóa ngoại bào
- D. tiêu hóa nội bào, tiêu hóa sinh học.

Câu 36: Loại enzyme nào có vai trò khởi động quá trình tiêu hóa tinh bột trong thực phẩm

- A. Lipase
- B. Maltase
- C. Amylase
- D. Helicase

Câu 37: Có bao nhiêu câu đúng về quá trình tiêu hóa ở người:

1 Tiêu hóa ở người là quá trình tiêu hóa nội bào

2 Trong ống tiêu hóa ở người, dịch ruột được tiết ra khi thức ăn chạm vào niêm mạc ruột, niêm mạc dạ dày

- A. Thức ăn được hấp thụ chủ yếu ở ruột non
- B. Sau khi trải qua quá trình nhai và tiêu hóa tinh bột, thức ăn sẽ chuyển thành dạng bột nhuyễn tròn

- A. 3: 2,3,4
- B. 2:1,3
- C. 4
- D. 1:3

Câu 38: Trong quá trình tiêu hóa ở người, thức ăn được tiêu hóa hóa học chủ yếu ở

- A. Khoang miệng
- B. Thực quản
- C. Ruột non
- D. Dạ dày

Câu 39: Khi ăn rau sống không được rửa sạch, ta có nguy cơ

- A. mắc bệnh sỏi.
- B. nhiễm giun sán.
- C. mắc bệnh lậu.
- D. nổi mề đay.

Câu 40: Tình trạng chướng bụng và xì hơi dễ xảy ra khi ta ăn thực phẩm chứa:

- A. Nhiều tinh bột: khoai lang, bánh mì, khoai tây, đậu nành,...
- B. Nhiều protein: thịt bò, thịt lợn, thịt gà,...
- C. Nhiều chất béo: mỡ động vật, bơ, lạc,...
- D. Nhiều chất xơ: các loại rau, củ, quả,...

Câu 41: Ruột già không tham gia trực tiếp vào quá trình tiêu hóa thức ăn do:

- A. Không có dịch tụy
- B. Không có dịch mật
- C. Không có dịch vị
- D. Không có enzym

Câu 42: Chất dinh dưỡng ở ruột non sẽ không được hấp thu nếu không có các cơ quan phụ trợ nào?

- A. Gan, tụy, đại tràng.
- B. Túi mật, dạ dày, ruột già.
- C. Tụy, túi mật, đại tràng.
- D. Gan, túi mật, tụy.

Câu 43: Ở người khi bị rối loạn cơ thắt dạ dày thực quản thì sẽ:

- A. Gây khó khăn trong việc nuốt thức ăn.
- B. Gây bệnh về đường tiêu hóa.

C. Không thể ăn được.

D. Gây trào ngược, ợ chua.

Câu 44: Đây là câu đúng về dạ dày

I. Dạ dày không thể giãn nở

II. Dạ dày có thể giãn nở nhưng giãn nở rất ít

III. Dạ dày có thể nở rộng, có thể chứa đến 4 lít đồ ăn

IV. Dạ dày căng tức có xu hướng chèn ép, đè lên các cơ quan khác, gây cảm giác khó chịu

A. I, II

B. III, IV

C. I, IV

D. II, III

Câu 45. Các ngành động vật nào sau đây thực hiện trao đổi khí trực tiếp với môi trường qua bề mặt cơ thể?

A. Giun tròn, ruột khoang, giun đốt.

B. Chân khớp, giun tròn, thân mềm.

C. Ruột khoang, thân mềm, chân khớp.

D. Giun đốt, chân khớp, thân mềm.

Câu 46. Lớp động vật nào sau đây có hình thức hô hấp khác hẳn với các lớp động vật còn lại?

A. Cá

B. Chim

C. Bò sát

D. Thú

Câu 47. Nhóm động vật nào sau đây có phương thức hô hấp bằng mang?

A. Cá chép, ốc, tôm, cua.

B. Giun đất, giun dẹp, chân khớp.

C. Cá, ếch, nhái, bò sát.

D. Giun tròn, trùng roi, giáp xác.

Câu 48. Nhóm động vật nào sau đây hô hấp bằng hệ thống ống khí?

A. Côn trùng.

B. Tôm, cua.

C. Ruột khoang.

D. Trai sông.

Câu 49. Vì sao thú sống trên cạn không hô hấp dưới nước được?

A. Vì cấu tạo phổi không phù hợp với việc hô hấp trong nước.

B. Vì phổi không thải được CO_2 trong nước.

C. Vì nước tràn vào đường dẫn khí cản trở lưu thông khí nên không hô hấp được.

D. Vì phổi không hấp thụ được O_2 trong nước.

Câu 50. Ý nào dưới đây **không đúng** với sự trao đổi khí qua da của giun đất ?

A. Quá trình khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự chênh lệch về phân áp giữa O_2 và CO_2 .

B. Quá trình chuyển hoá bên trong cơ thể luôn tiêu thụ O_2 làm cho phân áp O_2 trong cơ thể luôn bé hơn bên ngoài.

C. Quá trình chuyển hoá bên trong cơ thể luôn tạo ra CO_2 làm cho phân áp CO_2 bên trong tế bào luôn cao hơn bên ngoài.

D. Quá trình khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự cân bằng về phân áp O_2 và CO_2 .

Câu 51: Khi nói về hô hấp ở động vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Côn trùng có quá trình trao đổi khí với môi trường bằng hệ thống ống khí.

II. Ở động vật không xương sống, quá trình trao đổi khí với môi trường diễn ra ở ống khí.

III. Ở thú, quá trình trao đổi khí với môi trường diễn ra ở phổi.

IV. Ở cá voi, quá trình trao đổi khí với môi trường diễn ra ở phổi.

A. 3

B. 1

C. 2

D. 4

Câu 52: Cơ quan hô hấp của nhóm động vật nào dưới đây thường có hiệu quả trao đổi khí đạt hiệu suất cao nhất?

A. Phổi của chim.

B. Phổi và da của ếch nhái.

C. Phổi của bò sát.

D. Bề mặt da của giun đất.

Câu 53. Hệ tuần hoàn hở máu chứa sắc tố

A. hêmôxianin.

B. hêmôglôbin.

C. hệ sắc tố hô hấp.

D. carôtenôit.

Câu 54. Hệ tuần hoàn kín máu chứa sắc tố

A. hêmôxianin. B. hêmôglôbin. C. hệ sắc tố hô hấp. D. carôtenôit.

Câu 55. Khi đo huyết áp bằng áp kế đồng hồ cần chú ý vấn đề gì?

- A. Chọn tư thế thoải mái tùy ý.
- B. Quấn chặt túi vải huyết áp kế quanh cánh tay phía trên khuỷu tay.
- C. Nắm chặt bàn tay lại.
- D. Hít thở thật sâu.

Câu 56. Vì sao khi đo huyết áp bằng huyết áp kế điện tử cần tránh xa điện từ mạnh?

- A. Tránh sai số khi đo.
- B. Tránh làm hư máy.
- C. Tránh làm người bệnh mệt.
- D. Tránh làm người bệnh nhức đầu.

Câu 57. Tại sao khi đo huyết áp chúng ta cần phải thoải mái?

- A. Để giúp huyết áp ổn định.
- B. Để máu dễ lưu thông.
- C. Để có thể đo huyết áp tối đa.
- D. Để đo huyết áp dễ dàng hơn.

Câu 58. Khi đo huyết áp bằng huyết áp kế đồng hồ nhận định nào sau đây đúng?

- A. Khi nghe tiếng đập đầu tiên là huyết áp.
- B. Khi nghe tiếng đập đầu tiên là huyết áp tối thiểu.
- C. Khi nghe tiếng đập đầu tiên là huyết áp tối đa.
- D. Khi nghe tiếng đập đầu tiên là huyết áp tâm trương.

Câu 59. Cơ tim hoạt động theo quy luật “tất cả hoặc không có gì” có nghĩa là gì ?

- A. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa.
- B. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim co bóp nhẹ, nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co tối đa.
- C. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ tới ngưỡng, cơ tim co bóp bình thường.
- D. Khi kích thích ở cường độ dưới ngưỡng, cơ tim hoàn toàn không co bóp nhưng khi kích thích với cường độ trên ngưỡng, cơ tim không co bóp.

Câu 60. Tăng huyết áp gây hậu quả gì?

- A. Suy tim, nhồi máu cơ tim, dễ đột quy...
- B. Da vàng, bụng to, chóng mặt...
- C. Suy thận, vàng da...
- D. Mờ mắt, chóng mặt, đau ngực...

Câu 61. Miễn dịch là:

- A. Khả năng cơ thể chống lại các tác nhân gây bệnh, đảm bảo cho cơ thể khỏe mạnh, không mắc bệnh.
- B. Khả năng cơ thể chống lại các yếu tố trong môi trường tác động đến cơ thể.
- C. Khả năng cơ thể chống lại các tác nhân hoá học, đảm bảo cho cơ thể khỏe mạnh, không mắc bệnh.
- D. Khả năng cơ thể chống lại các tác nhân vật lý, đảm bảo cho cơ thể khỏe mạnh, không mắc bệnh.

Câu 62. Hàng rào bảo vệ vật lí và hoá học thuộc loại miễn dịch

- A. Miễn dịch đặc hiệu
- B. Miễn dịch không đặc hiệu
- C. Miễn dịch thể dịch
- D. Miễn dịch tế bào

Câu 63. Cho các ý sau:

- 1. Tác nhân sinh học.
- 2. Tác nhân vật lí
- 3. Hoá học
- 4. yếu tố di truyền, thoái hoá mô do tuổi già.

Có bao nhiêu ý là nguyên nhân gây bệnh cho người và động vật

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 64. Cách thức gây bệnh của giun, sán là:

- A. xuyên thủng tế bào cơ thể, lấy chất dinh dưỡng từ tế bào, huỷ hoại các tế bào mà chúng kí sinh.
- B. giải phóng độc tố, huỷ hoại các tế bào cơ thể.
- C. lấy chất dinh dưỡng trong ống tiêu hoá của người và động vật, làm suy yếu cơ thể, có thể gây tử vong.
- D. xâm nhập vào tế bào và can thiệp vào hoạt động của tế bào để tạo ra các phân tử mới, gây suy yếu, huỷ hoại các tế bào cơ thể.

Câu 65: Vì sao ta có cảm giác khát nước?

- A. Vì do áp suất thẩm thấu trong máu giảm.
- B. Vì do áp suất thẩm thấu trong máu tăng.
- C. Vì do nồng độ glucôzơ trong máu tăng.
- D. Vì do nồng độ glucôzơ trong máu giảm.

II. TỰ LUẬN

(CÁC CÂU HỎI BÀI 10,12,13 SGK)

***trình bày hiểu biết của em về huyết áp và vận tốc máu?**

Câu 1.2 trang 64

Câu 1,2,3 trang 67

Câu 1,3,4 trang 68

Câu 1,2,3 trang 78

Câu 1,2,3 trang 86